TRƯỜNG THPT LONG THỚI

KẾT QUẢ KIỂM TRA LẠI NĂM HỌC 2019-2020

TT	Lớp	SBD	Họ và tên	Toán	Vật lí	Hóa học	Sinh học	Tin học	Ngữ Văn	Lịch sử	Địa lí	Ngoại ngữ	GDCD	Công Nghệ	Thể dục	GDQP - AN	TB MÔN	Lên Lớp	Ở Lại
1	10A1	001	Đinh Nguyễn Yến Như	5.0	5.2	3.5	5.3	8.6	7.0	5.7	5.5	4.7	6.8	9.3	Đ	8.3	6.2	Lên Lớp	
2	10A1	002	Nguyễn Minh Thư	4.7	5.5	5.3	6.1	8.9	6.4	7.7	4.9	4.0	8.5	7.9	Đ	8.1	6.5	Lên Lớp	
3	10A2	003	Nguyễn Thanh Phú	4.0	5.6	3.6	9.0	9.3	5.3	6.9	6.6	5.5	4.8	8.1	Đ	8.3	6.4	Lên Lớp	
4	10A3	004	Nguyễn Xuân Phát	6.5	5.8	5.4	5.2	7.8	6.6	7.4	5.6	3.6	6.2	8.0	Đ	7.9	6.3	Lên Lớp	
5	10A4	005	Phạm Quang Huy	7.3	4.0	7.2	3.7	7.3	6.0	4.5	3.6	3.8	9.0	6.6	Đ	8.6	6.0	Lên Lớp	
6	10A4	006	Nguyễn Quốc Tuấn	5.3	4.4	7.2	7.8	7.1	5.9	5.7	5.0	7.0	4.2	8.1	Đ	8.0	6.3	Lên Lớp	
7	10A4	007	Trịnh Minh Hiếu	6.3	5.5	6.7	7.4	7.1	5.6	4.7	6.8	8.5	5.7	8.4	Đ	8.3	6.8	Lên Lớp	
8	10A5	008	Nguyễn Gia Như	B.Thi	7.4	4.0	5.3	9.6	6.0	6.6	5.4	4.5	5.3	8.2	Đ	8.4	6.4		Ở lại
9	10A5	009	Nguyễn Văn Minh Đức	4.0	7.4	5.1	6.8	9.0	5.9	7.2	6.2	7.0	6.5	7.9	Đ	8.2	6.8	Lên Lớp	
10	10A5	010	Nguyễn Huỳnh Minh Tiến	7.0	6.7	7.5	6.8	8.9	7.1	6.2	5.6	5.7	4.0	7.4	Đ	8.4	6.8	Lên Lớp	
11	10A5	011	Nguyễn Minh Tài	3.8	7.2	4.3	7.0	9.3	7.2	7.7	7.4	8.5	6.7	9.1	Đ	8.1	7.2	Lên Lớp	
12	10A5	012	Ngô Thị Kim Trang	4.1	8.1	5.5	6.0	9.7	6.6	6.4	5.9	9.3	5.3	8.3	Đ	8.1	6.9	Lên Lớp	
13	10A5	013	Nguyễn Đinh Duy Bảo	4.4	7.0	5.6	6.5	9.5	6.3	6.9	6.9	8.8	4.8	7.7	Đ	8.7	6.9	Lên Lớp	
14	10A6	014	Từ Thị Thúy Hằng	0.0	5.9	6.6	7.8	7.8	8.5	8.6	8.3	4.6	7.9	8.2	Đ	7.6	6.8		Ở Lại
15	10A6	015	Đỗ Minh Tú	4.9	5.8	6.1	7.4	5.6	6.3	8.3	6.2	3.8	7.6	8.1	Đ	8.0	6.5	Lên Lớp	
16	10A7	016	Trần Hoài Đông	4.4	6.4	2.8	6.5	6.8	6.6	6.4	5.7	3.8	6.9	7.7	Đ	6.8	5.9		Ở Lại
17	10A7	017	Mai Thế Hiếu	4.7	5.2	6.3	7.4	6.6	5.8	5.6	5.9	3.9	6.9	7.6	Đ	7.4	6.1	Lên Lớp	
18	10A7	018	Đinh Văn Dũng	6.0	6.4	6.5	6.4	5.5	5.2	6.3	6.4	2.5	6.2	7.1	Đ	7.7	6.0		Ở Lại
19	10A8	019	Trần Thị Thu Thủy	6.0	6.7	5.0	8.0	8.7	6.1	6.6	8.0	4.2	6.9	8.5	Đ	7.2	6.8	Lên Lớp	

20	10A8	020	Đinh Thị Thúy Yến	**3.5**	6.6	4.5	6.9	9.1	6.4	6.1	6.9	**3.5**	6.5	8.1	Đ	7.8	**6.3**	**Lên Lớp**	
21	10A8	021	Lê Kim Ngân	**7.3**	7.3	5.1	7.2	9.0	7.0	7.6	7.8	3.9	7.4	7.7	Đ	8.3	**7.1**	**Lên Lớp**	
22	10A8	022	Ngô Trần Thái Phú	**7.0**	7.9	6.7	9.3	7.8	7.1	8.5	8.6	3.7	7.6	8.5	Đ	7.8	**7.5**	**Lên Lớp**	
23	10A8	023	Huỳnh Tấn Cường	**8.0**	7.8	7.2	8.1	6.9	6.7	7.1	8.1	3.9	6.5	8.3	Đ	7.8	**7.2**	**Lên Lớp**	
24	10A8	024	Trần Nguyễn Trung Trực	**6.8**	7.2	6.6	5.7	8.3	6.9	6.7	5.9	4.2	6.4	7.5	Đ	7.7	**6.7**	**Lên Lớp**	
25	10A8	025	Ngô Ngọc Long	**5.0**	6.8	7.5	5.7	7.9	3.6	5.7	5.7	**6.0**	5.7	7.6	Đ	8.3	**6.3**	**Lên Lớp**	
26	10A8	026	Trần Ngọc Phi	4.1	7.7	5.7	9.1	9.2	6.4	7.5	8.2	**5.3**	6.3	7.7	Đ	8.2	**7.1**	**Lên Lớp**	
27	11A1	027	Phạm Trần Thanh Thảo	**1.3**	6.3	5.3	5.2	8.9	6.2	6.8	8.5	3.9	6.9	7.2	Đ	7.1	**6.1**		**Ở Lại**
28	11A2	028	Phạm Thành Luân	3.7	6.6	4.6	5.8	8.9	5.6	5.8	5.7	**6.5**	6.2	4.3	Đ	7.8	**6.0**	**Lên Lớp**	
29	11A3	029	Vương Bảnh Huy	3.5	4.9	5.1	6.5	7.0	5.6	7.3	7.2	**5.8**	6.1	8.2	Đ	9.3	**6.4**	**Lên Lớp**	
30	11A3	030	Bùi Trọng Nghĩa	**5.8**	6.0	4.5	5.6	7.1	6.1	7.2	8.3	3.6	6.5	7.5	Đ	8.1	**6.4**	**Lên Lớp**	
31	11A3	031	Lê Thành Nhân	**6.5**	5.5	**7.5**	6.4	7.5	5.6	5.4	6.8	3.9	6.7	7.1	Đ	8.4	**6.4**	**Lên Lớp**	
32	11A3	032	Trương Triệu Mỹ Trân	**3.5**	5.3	**4.3**	5.0	7.6	5.0	5.6	4.8	4.4	4.9	8.3	Đ	8.4	**5.6**	**Lên Lớp**	
33	11A3	033	Nguyễn Ngọc Vũ	**7.8**	7.2	5.1	8.6	6.4	7.6	7.9	8.0	4.2	9.1	8.5	Đ	7.9	**7.4**	**Lên Lớp**	
34	11A4	034	Nguyễn Phúc An	**3.5**	4.7	**4.0**	5.0	9.6	5.1	5.2	4.9	**5.0**	4.4	5.7	Đ	9.4	**5.5**	**Lên Lớp**	
35	11A4	035	Bùi Hà Huy Bảo	3.6	5.0	4.9	6.4	8.5	5.5	6.5	6.0	**8.0**	5.3	5.1	Đ	8.8	**6.1**	**Lên Lớp**	
36	11A4	036	Đinh Trần Tiến	**5.8**	5.7	5.0	6.5	9.9	5.6	6.2	7.2	4.8	7.2	4.9	Đ	8.8	**6.5**	**Lên Lớp**	
37	11A6	037	Phạm Thị Hồng Nhung	3.6	6.1	5.0	6.5	7.7	7.4	8.5	6.4	**6.3**	7.2	6.7	Đ	7.6	**6.6**	**Lên Lớp**	
38	11A6	038	Quách Thị Hồng Nhung	**8.0**	6.1	5.8	7.0	8.3	5.9	7.4	6.1	4.1	6.7	6.9	Đ	7.2	**6.6**	**Lên Lớp**	
39	11A6	039	Lưu Như Quỳnh	**7.5**	5.7	4.4	5.6	5.7	5.9	7.0	5.9	3.8	6.2	6.7	Đ	7.1	**6.0**	**Lên Lớp**	
40	11A7	040	Nguyễn Thái An	**7.5**	6.8	7.8	9.6	8.3	7.7	9.4	9.2	4.9	7.3	7.2	Đ	9.2	**7.9**	**Lên Lớp**	
41	11A7	041	Lâm Nguyễn Trà My	**3.5**	6.1	7.1	7.0	8.5	6.0	7.2	6.4	3.6	5.8	7.1	Đ	8.4	**6.4**	**Lên Lớp**	
42	11A7	042	Nguyễn Miêu Khả Vân	**1.0**	4.9	6.0	6.6	6.9	5.9	6.4	6.6	4.5	5.8	5.8	Đ	8.1	**5.7**		**Ở Lại**

43	11A8	043	Đỗ Thị Anh Đào	**5.8**	6.6	4.3	6.1	8.2	7.3	6.5	6.4	5.2	7.1	5.9	Đ	8.2	**6.5**	**Lên Lớp**	
44	11A8	044	Nguyễn Gia Huy	**3.8**	5.0	5.0	6.0	7.0	5.8	6.9	5.2	3.8	6.5	5.0	Đ	8.4	**5.7**	**Lên Lớp**	
45	11A8	045	Hà Minh Thái	**5.5**	6.7	4.5	9.4	8.5	7.0	8.7	7.7	4.2	7.0	7.4	Đ	7.4	**7.0**	**Lên Lớp**	
46	11A9	046	Bùi Thị Mộng Cầm	**2.0**	6.1	4.2	5.9	9.5	5.6	5.0	6.3	**5.0**	6.1	7.1	Đ	8.4	**5.9**		**Ở Lại**
47	11A9	047	Nguyễn Tấn Lộc	5.7	8.1	6.3	8.1	9.8	6.3	8.7	8.1	**8.5**	7.4	7.7	Đ	9.1	**7.8**	**Lên Lớp**	
48	11A9	048	Lê Ngọc Thúy Ngân	**6.3**	5.1	4.2	6.7	9.7	7.1	7.2	5.5	3.5	4.9	7.8	Đ	8.2	**6.4**	**Lên Lớp**	

Long Thới, ngày 29 tháng 7 năm 2020

Hiệu trưởng

BÙI MINH BÌNH